TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **79/2023/QĐST-HNGĐ** *"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*	*K, ngày 16 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 114/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/5/2023, giữa:

Nguyên đơn: chị Phạm Ánh D, sinh năm 2001; nơi cư trú: Xóm 9, xã Đ huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1998; nơi cư trú: tổ 4, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Phạm Ánh D và anh Nguyễn Văn D1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* chị Phạm Ánh D và anh Nguyễn Văn D1 xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 22/8/2018. Khi ly hôn chị D và anh D1 thỏa thuận giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D mỗi tháng là 1.000.000 *(một triệu)* đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2023 cho đến khi

cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh D1 có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- *Về án phí:* chị Phạm Ánh D và anh Nguyễn Văn D1 thỏa thuận chị D nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn số tiền 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con số tiền 150.000 *(một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí chị Phạm Ánh D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004933 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB (1);*
- *VKSND huyện K (2);*
- *CCTHADS huyện K (1);*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng